

Bản án số:10/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 12/5/2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị T Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Bường và bà Đoàn Thị Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QDDST-HNGĐ ngày 24/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật của chị T:

- Ông Trương Văn T1, sinh năm 1973 ( bố chị T)

- Bà Trương Thị T2, sinh năm 1974 ( mẹ chị T)

Đều ở địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Trương Thị T quen nhau được khoảng nửa năm thì tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương vào ngày 14/01/2015. Cuộc sống vợ chồng anh sau khi kết hôn không xảy ra mâu thuẫn gì, hai vợ chồng sống cùng bố mẹ tại xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương. Sống được khoảng 01 năm thì anh C phát hiện chị T có một số biểu hiện lạ về tâm lý, chị T ít giao tiếp với mọi người và thường xuyên cáu gắt, sau đó chị T đã nhiều lần tự ý bỏ về nhà bố mẹ để ở xã Bình Minh sống, anh C đã nhiều lần tìm gọi chị T nhưng chị về nhà được thời gian ngắn lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ để không nói lý do. Anh C có tìm hiểu và được biết trước khi kết hôn chị T có biểu hiện của bệnh tâm thần phân liệt và có thời gian khám bệnh tại bệnh viện tâm thần vào năm 2010, tuy nhiên khi biết chuyện anh không gây áp lực với chị mà còn động viên chị T chữa bệnh. Từ tháng 8 năm 2018 chị T về ở hẳn nhà bố mẹ để không liên lạc, không quan tâm đến con. Đến nay anh C cảm thấy chị T là người sống không có trách nhiệm và cũng không muốn níu kéo, không muốn quay về đoàn tụ với chị T nữa, xác định không còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Anh C không đề nghị Tòa án tuyên bố chị T bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/9/2015, hiện cháu Bảo đang sống cùng anh C. Anh C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu C chị T góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Hiện anh là trưởng phòng tuyển dụng của công ty cổ phần phát triển quốc tế Việt Nhật JVJSC tại C Giấy, Hà Nội thu nhập khoảng 18.000.000 đồng/ tháng. Công việc của anh chủ yếu là làm việc trên máy tính nên có thời gian chăm sóc con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trương Thị T không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã gửi Thông báo cho bố mẹ chị T và trực tiếp về gia đình chị T tại thôn Đoàn Kết xã Bình Minh làm việc nhưng không gặp được ai mặc dù Tòa án đã gửi lịch làm việc trước nên không lấy được lời khai của chị T cũng như bố mẹ chị T đối với yêu cầu khởi kiện của anh C, tình trạng sức khỏe hiện tại của chị T cũng như việc họ có hay không đề nghị Tòa án tuyên bố chị T bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự và có hay không tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T.

Kết quả xác minh tại UBND xã Bình Minh, huyện Kiến Xương thể hiện: Chị T kết hôn với anh Nguyễn Văn C và về ở nhà anh C một thời gian sau đó thường xuyên thấy về nhà bố mẹ đẻ sống, từ năm 2018 đến nay chị T về sống hẳn với ông Trương Văn T1 và bà Trương Thị T2 tại thôn Đ, xã B, huyện K không thấy quay về nhà chồng sống nữa. Việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào phía địa phương không nắm được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết đơn ly hôn của anh C theo quy định pháp luật.

Kết quả xác minh tại UBND xã Quang Lịch thể hiện: Anh C và chị T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Lịch ngày 14/01/2015. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có bệnh tâm thần, chị T sinh con nhưng không quan tâm đến con và thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đoàn Kết, xã Bình Minh sống. Trước khi kết hôn với anh C, chị T đã có bệnh tâm thần nhưng gia đình anh C không biết, nay anh C làm đơn khởi kiện ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với con chung Nguyễn Gia Bảo từ khi sinh ra ở với anh C và bố mẹ anh C, do đó nếu Tòa giải quyết cho anh C và chị T ly hôn đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tại Bệnh viện tâm thần Thái Bình thể hiện: Chị T có khám và điều trị tại bệnh viện tâm thần 03 đợt, đợt 1 từ 22/01/2010 đến 25/01/2010, đợt 2 từ 02/02/2010 đến 09/02/2010 và đợt 3 từ 11/7/2010 đến 09/8/2010. Trong 03 đợt điều trị, 02 đợt đầu bệnh nhân được chẩn đoán rối loạn cảm xúc hành vi ở trẻ em và thiếu niên, đợt 3 bệnh nhân T được chuẩn đoán rối loạn loại phân liệt. Bệnh rối loạn loại phân liệt là loại bệnh tâm thần có xu thế tiến triển thành mãn tính, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi có thể giảm. Từ sau ngày 09/8/2010, bệnh

nhân T xuất viện về nhà, cho đến thời điểm này bệnh viện không tra cứu thêm được thông tin gì về việc khám và điều trị của bệnh nhân tại bệnh viện nên không xác định được tình trạng hiện tại của bệnh nhân. Để xác định được tình trạng bệnh trong quá khứ và hiện tại thì phải đi giám định pháp y tâm thần mới có kết luận chính xác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh C được ly hôn chị T; giao con chung Nguyễn Gia B cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không đặt ra giải quyết; về án phí anh C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Bị đơn là chị Trương Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Luật Trung, xã Quang Lịch huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình nhưng hiện nay đã về nhà bố mẹ đẻ chị T ở thôn Đ, xã B sinh sống. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy báo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú hiện tại của chị T và gửi các tài liệu trên về địa chỉ nơi chị T đang sinh sống nhưng chị T vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã gửi Thông báo giải thích, hướng dẫn cho bố mẹ chị T là ông Trương Văn T1 và bà Trương Thị T2 về việc đại diện tham gia tố tụng hoặc có đề nghị Tòa án tuyên bố chị Trương Thị T mất năng lực hành vi dân sự không

nhưng bố mẹ chị T không đến Tòa án làm việc. Mặt khác khi Tòa án bố trí lịch làm việc tại nhà cùng chính quyền địa phương nhưng gia đình trốn tránh không ai có mặt ở nhà, Tòa án không thể ghi được lời khai của chị T cũng như của bố mẹ chị T. Như vậy chị T và bố mẹ chị T không tham gia tố tụng và không đề nghị Tòa tuyên bố chị T mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự vì vậy Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Lịch, huyện Kiến Xương là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh C và chị T không phát sinh mâu thuẫn lớn, tuy nhiên chị T sống cùng anh C một thời gian ngắn thì tính tình có nhiều thay đổi và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh C đã nhiều lần sang tìm chị T về nhà, nhưng chị T chỉ quay về sống một thời gian ngắn lại tự ý bỏ đi. Từ tháng 8 năm 2018 chị T về sống với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã B, huyện K không quay về nhà anh C nữa và cũng không quan tâm đến con, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn đã triệu tập chị T nhiều lần nhưng chị T không lên làm việc. Điều này chứng tỏ chị T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa chị và anh C, đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh C, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Gia B. Xét thấy từ năm 2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống không quay lại với anh C, không quan tâm, chăm sóc con chung, con chung hiện đang ở cùng anh C và bố mẹ anh C, bản thân anh C có công việc ổn định do đó cần chấp nhận đề nghị của anh C, ý kiến của Viện kiểm sát giao con chung Nguyễn Gia B cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu B. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về mức cấp dưỡng: Anh C không yêu cầu chị T góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về tài sản và nợ chung: Anh C khai không có, Tòa án không ghi được lời khai của chị T, vì vậy quan hệ tài sản không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trương Thị T.

2. **Về quan hệ con chung:** Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/9/2015 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản và nợ chung:** Không đặt ra giải quyết.

4. **Về án phí:** Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 ( *Ba trăm nghìn* ) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001474 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương. Như vậy anh C đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. **Về quyền kháng cáo:** Anh C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 12/5/2020; chị T và người đại diện theo pháp

luật vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Lịch;
- Lưu: hồ sơ, vp.

***Lê Thị T Xuân***